

Nguyễn Văn Thành là một trong những vị khai quốc công thần của triều Nguyễn và là một trong những người có công lớn nhất trong việc đưa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, trở thành vị vua đầu tiên của triều Nguyễn (vua [Gia Long](#)) - triều đại phong kiến cuối cùng của [Việt Nam](#) (1802-1945)

Cuộc đời và sự nghiệp

Thân thế

Nguyễn Văn Thành sinh năm [Đinh Sửu \(1757\)](#), tiên tổ của ông người [Quảng Điền](#), phủ [Thừa Thiên](#), tăng tổ là Nguyễn Văn Toán dời vào [Gia Định](#). Tổ là Nguyễn Văn Tính lại dời đến ở [Bình Hòa](#). Cha là Nguyễn Văn Hiền^[1] lại dời vào Gia Định.

Sử cũ ghi: "Nguyễn Văn Thành trạng mạo đẹp đẽ, tính trầm nghị, thích đọc sách, tài võ nghệ".^[2]

Năm [1773](#), ông cùng cha ra tận đất [Phú Yên](#) ngày nay để theo Định Vương Nguyễn Phúc Thuận, chống [Tây Sơn](#).

Năm 1775, tháng 7 âm lịch, Phú Yên bị đánh úp, cai đội Nguyễn Văn Hiền tử trận.

Năm [1778](#), ông theo Nguyễn Văn Hoàng đóng đồn ở Phan Rí. Khi Nguyễn Văn Hoàng mất, [Nguyễn Ánh](#) cho triệu ông về.

Đôi nét về sự nghiệp

Năm [Bính Ngọ \(1786\)](#), ông cùng Lê Văn Quân giúp [Xiêm](#) đánh tan quân [Miến Điện](#) ở Sài Nặc (trên đất Xiêm), vua Xiêm thán phục trở về đem [vàng](#), [lua](#) đến tạ, lại ngỏ ý một lần nữa giúp quân cho Nguyễn Ánh thu phục Gia Định. Nguyễn Ánh triệu chư tướng hội bàn, ông tâu rằng: "Vua Thiệu Khang chỉ một lũ còn dựng được cơ đồ nhà Hạ. Ta nuôi sức mạnh mà thừa chỗ sơ hở thì việc có thể làm được, lính Xiêm tàn ngược, không nên nhờ họ giúp, nếu nhờ binh lực họ mà thành công lại có sự lo sau, không bằng cứ yên tĩnh để chờ cơ hội là hơn". Vua cho phải, việc ấy bèn thôi.^[3]

Năm [1787](#), vào mùa thu, *Đại Nam Liệt Truyện* ghi: ...trận đánh ở Mỹ Tho, quân ta thất lợi. Hoặc có người bảo Thành về ẩn quê nhà, để đợi

thời cơ. Thành nói rằng: "Nghĩa cả vua tôi sống chết vẫn theo đi, sự thành bại nhờ trời, ta đoán trước sao được, và nhân bị quả mà đi, nhân thua mà trốn là phản phúc, tiền nhân ta không làm thế."^[4]

Năm [1801](#), ông lãnh ấn [Khâm Sai Chương Tiên Quân](#), [Bình Tây Đại Tướng Quân](#), tước [Quận Công](#).

Ông là người "biết chữ, hiểu nghĩa sách, biết đại thể, ở trong chur tướng, vua trọng Thành hơn cả, không cứ việc lớn việc nhỏ đều hỏi để quyết đoán. Mỗi khi ông đến chầu vua cho ngồi thông dong hỏi han, ông cũng đem hết sức tiềm tàng, tình hình ngoài biên, sự đau khổ của dân, kế hoạch nhà nước, mưu kế việc binh, biết điều gì là nói hết, cũng nhiều bổ ích".^[5]

Về tài cầm binh của ông, theo nhiều nhà nghiên cứu thì ông là người "phân tích kỹ lưỡng, đâu là điểm mạnh, đâu là thế yếu, rồi mới quyết đoán, lúc tiến, khi lui nhằm giảm thiểu hao tổn tướng sĩ".^[6]

Năm [1802](#), vua [Gia Long](#) nghĩ Bắc Hà mới bình định, dân vật đổi mới, cố đô [Thăng Long](#) lại là trung tâm của Bắc thành với nghìn năm văn hiến đồng thời cũng là nơi đã từng chứng kiến bao cuộc thăng trầm của lịch sử dân tộc, nên được trọng thần đề trản thủ bèn phong cho ông làm [Tổng trấn Bắc thành](#), còn vua trở về kinh đô [Phú Xuân](#) (tức [Huế](#) ngày nay). Ban cho sắc ấn trong ngoài mười một trấn đều thuộc vào cả, các việc truất nhắc quan lại, xử quyết việc án, đều được tiện nghi làm việc, sau mấy năm mà đất Bắc Hà được yên trị.

Vào [tháng Chap](#) năm [1802](#), tại [Thuận Hóa](#), ông đứng chủ tế ở lễ truy điệu các tướng sĩ bỏ mình trong cuộc chiến giữa [Nguyễn Ánh](#) với lực lượng Tây Sơn. Ông đã soạn bài ***Văn Tế Tướng Sĩ Trận Vong***, lúc tế ông đọc bài văn này, lấy cái cảm tình của một ông võ tướng mà giải bày công trạng anh hùng của kẻ đã qua, thổ lộ tấm lòng thương tiếc của người còn lại, lời văn thống thiết, giọng văn hùng hồn, đây thật là một áng văn chương tuyệt bút của nền [văn học Việt Nam](#).

Chi tiết xem bài [Văn Tế Tướng Sĩ Trận Vong](#) (phụ lục)

Năm [1805](#), ông cho xây dựng Khuê văn Các tại [Văn Miếu-Quốc Tử Giám Hà Nội](#).

Năm [1809](#), gặp Bắc Thành dân đói, ông dâng sớ tâu: "Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm đầu. Sau khi các trấn bị thiên tai, nhân dân ngày càng đói lắm, xin bàn cách phát chẩn và cho vay để đỡ túng ngặt cho dân". Vua đều nghe theo.^[7]

Năm [1810](#), ông được triệu về kinh, lãnh ấn Trung Quân, rồi được giao cử chức tổng tài trong việc soạn bộ [Hoàng Việt Luật Lệ](#) (thường được gọi là [luật Gia Long](#)). Bộ luật có hai phần, chia làm hai mươi hai quyển, có tất cả ba trăm chín mươi tám điều, ban hành năm [1812](#), đến năm [1815](#) được khắc in và định Quốc Sử. Hoàng Việt Luật Lệ là bộ luật đầy đủ và hoàn chỉnh nhất lúc bấy giờ.

Học giả [người Pháp](#) tên là Philastre khi đến [Việt Nam](#) vào giữa thế kỷ 19 là người am tường Hán học, lịch sử, phong tục, tín ngưỡng và các thể chế của nước Nam, đã nghiên cứu, phân tích, so sánh những điểm giống và khác nhau giữa bộ luật Gia Long với các bộ luật [Trung Hoa](#), nhất là với bộ luật [nhà Thanh](#).

Trước khi ban hành, Nguyễn Văn Thành có dâng sớ tâu lên vua Gia Long, trong sớ ông trình bày về việc: "...đặt lại quy tắc khoan hồng và thưởng phạt. Khi xem đến luật triều Thanh, đức Thánh thượng nhận thấy đó là bộ luật gồm đủ các sắc luật của các triều đại trước, nên ban sắc chỉ dạy các quan đem ra bàn bạc, xem xét cùng hạ thần ngỏ hầu chọn lấy những gì khả dĩ soạn thành bộ luật riêng để dùng trong nước... Sách đã dạy: Trùng phạt để về sau không còn phải trùng phạt nữa, đặt ra tội hình để về sau không còn phải dùng đến tội hình nữa. Điều đó há chẳng phải là điều mà Đức Thánh thượng hằng mong muốn hay sao?"

Vụ án có nguồn gốc từ một bài thơ

Năm [1815](#), người con trưởng của ông là ông Nguyễn Văn Thuyên đỗ hương cống, vốn là người hâm mộ văn chương, thường làm thơ, ngâm vịnh văn thơ với những kẻ sĩ. Bấy giờ nghe người ở [Thanh Hóa](#) là Nguyễn Văn Khuê và Nguyễn Đức Nhuận có tiếng hay chữ, ông Thuyên có làm bài thơ tặng, thơ rằng:

*Văn đạo Ái Châu đa tuần kiệt,
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.*

*Vô tâm cứu bảo Kinh Sơn phác,
Thiện tướng, phương tri Kỳ-bắc Kỳ.
U-cốc hữu hương thiên lý viễn,
Cao vương minh-phượng cứu thiên tri.
Thư hồi được đặc Sơn trung tế,
Tá ngã kinh-luân chuyển hóa kỳ.*

Dịch [nôm](#) là:

*Ái-châu nghe nói lắm người hay,
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phác Kinh-Sơn tài sẵn đó,
Ngựa Kỳ Kỳ-bắc biết lâu thay.
Mùi hương hang tới xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.
Sơn tế phen này dù gặp gỡ,
Giúp nhau xoay-đổi hội cơ này.*

Một số người vốn có tị hiềm với ông dựa vào hai câu cuối của bài thơ mà lập luận, suy đoán, thêu dệt thành ý phản loạn, truất ngôi vua.

Mọi việc kêu oan của ông đều không được Gia Long minh xét. Ông nói với Thống chế Thị Trung lúc bấy giờ là Hoàng Công Lý : "Án đã xong rồi vua bắt bè tôi chết, bè tôi không chết, không phải là trung"^[8]. Ông buộc phải uống thuốc độc tự tử trong ngục vào năm [Đinh Sửu \(1817\)](#), hưởng thọ sáu mươi tuổi. Con trai ông là Nguyễn Văn Thuyên thì bị xử án chém.

Sách *Đại Nam Liệt Truyện'* còn ghi: "...Thành có văn võ tài lược, lâm trận dụng binh mưu lược rồi mới đánh cho nên ít khi thua, lúc đầu trung hưng, công ấy tốt lắm. Đến khi Bắc hà đã định, một mình đương công việc Tổng trấn không động đến lời nói nét mặt mà trộm giặc đều yên, bày mưu chón miếu đường, bày tâu sự nghị đều được thi hành, có thể gọi là người có mưu giỏi trị nước..."

Năm 1847, Tự Đức nguyên niên, nhà vua truy xét công trạng, lại chiếu giải oan án và phong chức tước cho con cháu Đức Tiên Quân.

Phụ lục

Văn tế tướng sĩ trận vong là một bài văn tế được Tiền Quân Nguyễn Văn Thành là đại thần có công lớn trong công cuộc thiết lập và xây dựng triều Nguyễn soạn và đứng chủ tế lễ truy điệu các tướng sĩ bỏ mình trong cuộc chiến giữa Nguyễn Ánh với nghĩa quân Tây Sơn vào tháng chạp năm 1802, tại Thuận Hóa. Đây được coi là một áng văn chương tuyệt bút mà Nguyễn Văn Thành đã đóng góp cho nền văn học Việt Nam.

Nguyên văn

Than ôi! Trời Đông Phố vận ra Sóc Cảnh ^[1], trải bao phen gian hiểm mới có ngày nay; nước Lô hà chảy xuống Lương giang ^[2], nghĩ mấy kẻ điêu linh ^[3] những từ thuở nọ, cho hay sinh là ký mà tử là quy; mới biết mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ.

Xót thay! Tình dưới viên mao ^[4], phận trong giới trụ ^[5]. Ba nghìn hộp con em đất Bái ^[6], cung tên ngang dọc chí nam nhi; hai trăm vây cờ cõi non Kỳ ^[7], com áo nặng dây ơn cứu chủ. Dấn thân cho nước, son sắt một lòng; nối nghĩa cùng thầy, tuyết sơn mấy độ.

Kẻ thời theo cơ đích ^[8] chạy sang miền khách địa, hăm hờ mài nanh giữa vuốt, chỉ non Tây thê chẳng đội trời chung; kẻ thời đón việt mao ^[9] trở lại chốn sa cơ, dập dìu vén cánh nương vây, trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai nếm mật ^[10], chung nỗi ân ưu; mở suối bắc cầu, riêng phần lao khổ.

Trước từng trải Xiêm La, Cao Miên về Gia Định mới dân ra Khánh, Thuận ^[11], đã mấy buổi sơn phong hải lễ ^[12], trời Cao, Quang ^[13] soi tỏ tám kiên trinh, rồi lai từ Đồn Bàn, Nam, Ngãi lấy Phú Xuân mà thẳng tới Thăng Long ^[14], biết bao phen vũ pháo vân thê ^[15], đất Lũng, Thục ^[16] lặn vào nơi hiểm cố.

*Phận truy tùy, ngẫm lại cũng cơ duyên; trường tranh đấu biết
đâu là mệnh số.*

*Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cò trong trận, xót lẽ gan vàng
mà mệnh bạc, nắm lông hồng ^[17] theo đạn lạc tên bay; kẻ thời
bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương thay phép
trọng để thân khinh, phong da ngựa ^[18] mặc bè trôi sóng vỗ.*

*Hồn tráng sĩ biết đâu miền minh mạc ^[19], mịt mù gió lốc, thổi
dầu tha hương ^[20]; mặt chinh phụ khôn vẽ nét gian nan, lập lòe
lửa trời, soi chùng cổ độ ^[21].*

*Ôi! Cùng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu ^[22], nửa cuộc công
danh, chia phần kim cổ ^[23].*

*Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo kiếm đã trăm rèn mới
có, nợ áo com phải trả đến hình hài; những là khen dạ đá gan
vàng, bóng bạch câu ^[24] xem nửa phút như không, ơn dày đội
cũng cam trong phé phủ ^[25].*

*Phận dù không gác khói đài mây ^[26]; danh đã dậy ngàn cây nội
cỏ. Thiết vì thuở theo cò trước gió, thân chả quản ngàn sương
đêm giá, những chờ xem cao thấp bức cân thường ^[27]; tiếc cho
khi lỡ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp
thấy ít nhiều ơn Vũ lộ ^[28].*

*Vâng thượng đức hồi loan ^[29] tháng trước, đoàn ứng nghĩa dân
Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh ^[30] cũng vậy, giới ân quang gieo
khắp xuống đèo Ngang; mà những người từng thượng trận ngày
xưa, đắp tầu công tự ngo, vị, thân, dầu ^[31] đến giờ, treo tính tự
để nằm trong lá số.*

*Ngọn còi rúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp trồng đồn hoa; chốn
tươi chốn ử. Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận
một trường oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không;
nhưng tiếc cho tạo hóa khéo vô tình, ngàn năm một hội tao
phùng, phân thủy có phận chung sao không có ^[32].*

*Bản chức nay, vâng việc biên phòng, chạnh lòng niềm viễn thú.
Dưới trướng nức mùi chung đỉnh, sức nhớ khi chén rượu rót đầu
ghènh; trong nhà rõ vẻ áo xiêm, chạnh nghĩ buổi tám cừu vung
trước gió. Bâng khuâng kẻ khuất với người còn; tưởng tượng
thầy đâu thì tớ đó.*

*Nền phủ định ^[33] tới đây còn xót nỗi, vu lòng một lễ, chén rượu
thoi vàng; chữ trương đồng ngấm lại vốn đỉnh ninh, khắp mặt ba
quân, cờ đào nón đỏ, có cảm thông thì tới đó khuyên mời; dù
linh thỉnh hãy nghe lời dặn dỗ.*

*Buổi chinh chiến hoặc oan hay chẳng, cũng chớ nề kẻ trước
người sau, hàng trên lớp dưới, khao thưởng rồi sẽ tấu biểu
dương cho; hội thặng bình đừng có nghĩ rằng không, dù ai còn
cha già, mẹ yếu, vợ góa, con cô, an tập hết, cũng ban tồn tuất
đủ.*

*Hồn phách đâu đều ngày tháng Thuần, Nghiêu ^[34]; hài cốt đó
cũng nước non Thang, Vũ ^[35].*

*Cơ huyền diệu ^[36] hoặc thâm trầm chưa rõ, thiêng thời về cố
quận, để hương thơm lửa sáng, kiếp tái sinh lại nhận cửa tiền
quân ^[37]; niềm tôn thân dù sinh tử chớ nề, linh thời hộ Hoàng
triều cho bể lặng sóng trong, duy vạn kỷ chữa đời ngôi bảo tộ
^[38].*

Nhận định

- Nhà nghiên cứu [Phạm Quỳnh](#) cho rằng: "*lời đáng ghi vào vàng đá truyền đến muôn đời, khi giống già như nhịp trống trong quân, khi toi bờ như ngọn cờ dưới nguyệt, khi mịt mù như cơn gió lốc thổi dẫu kẻ tha hương, khi lập lòe như đám lửa trời soi chùng chốn cổ độ, khi hùng tráng như tiếng gươm tuốt giữa trận, khi lâm li như vượn khóc trên ngàn*".

Chú thích

1. [^](#) Đông Phố là tên cũ thành Gia Định; Sóc Cảnh là cõi Bắc; ý nói từ [Gia Định](#) ra tới Bắc Hà ([Hà Nội](#)).
2. [^](#) Lô hà nhất danh là sông Tuyên, chảy qua Tuyên Quang, rồi đổ xuống sông [Nhi hà](#). Lương giang tức là Phú Lương giang tên cũ sông Nhi hà.
3. [^](#) [Điều linh](#) là tàn rụng, chỉ những người chẳng may chết trận.
4. [^](#) Viên là viên môn, cửa dinh (doanh) quan đại tướng; mao là cờ tiết mao, hiệu lệnh trong quân.
5. [^](#) Giới trụ là áo giáp, mũ trụ của tướng sĩ.
6. [^](#) Vua [Hán Cao Tổ](#) ở bên Tàu khi khởi binh ở ấp Bái, họp con em ba nghìn người; đây ví những người theo đức Gia Long cũng khảng khái như bọn quan sĩ vua Hán Cao Tổ vậy.
7. [^](#) Tên núi ở tỉnh Thiểm Tây bên Tàu, có tiếng là hiểm trở, chỉ hai trăm người địch nổi hai nghìn người; vua Văn Vương nhà Chu sáng nghiệp ở đây; đây sánh những người theo vua Gia Long cũng hăng hái như bọn quân sĩ vua Chu Văn Vương vậy.
8. [^](#) [Cờ địch](#) là hàm thiếc dây cương, ý nói theo vua giữ ngựa. Đây là nói hời vua Gia Long bị quân Tây Sơn đánh thua phải trốn sang Xiêm La.
9. [^](#) [Việt mao](#) là cái phủ Việt và cờ tiết mao. Đây là nói hời vua Gia Long từ Xiêm về thu phục được thành Gia Định.
10. [^](#) Điển cũ; vua [Câu Tiễn](#) nước Việt khi mất nước thường nằm trên gai, nếm mật đắng để nghĩ kế khôi phục; ý nói chịu nổi khổ sở.
11. [^](#) Là Thanh Hóa và Bình Thuận.
12. [^](#) Sơn phong là gió núi; khi đức Gia Long đóng ở đảo Côn Lôn, quân Tây Sơn chọt đến vây nguy cấp lắm, bỗng dựng trời nổi bão tố, thuyền Tây Sơn đắm cả, vua mới thoát vây. Hải lễ là nước ngọt ở bể; khi vua Gia Long đương phải chạy trốn ở ngoài bể, hết cả nước ngọt uống, vua mới khẩn trời, chọt thấy ở dưới bể có dòng nước ngọt, múc nước uống mới khỏi khát.
13. [^](#) Đây ví vua Gia Long cũng như vua Hán Cao Tổ và Hán Quang Vũ là hai ông vua sáng nghiệp trung hưng ở bên Tàu.

14. [^] Đồn Bàn là kinh đô cũ của người Chiêm Thành, tức là thành Bình Định, Nam, Ngãi là Quảng Nam và Quảng Ngãi, Phú Xuân là Huế, Thăng Long là Hà Nội.
15. [^] Là đạn nhiều như mưa, thang cao giáp mây.
16. [^] Đây ví các thành tỉnh ấy cũng hiểm cố như đất Lũng là Lũng Tây (ở tỉnh Thiểm Tây) và đất Thục là Tứ Xuyên ở bên Tàu.
17. [^] Điển cũ: Lời [Tư Mã Thiên](#) nói: "Người ta ai cũng chết mà cái chết có người nặng như [núi Thái](#), cũng có người nhẹ như nắm lông hồng"
18. [^] Điển cũ: Lời Mã Viện nói: "Đáng tài trai nên chết ở nơi chiến trận lấy da ngựa bọc thân"; ý nói chết ở chiến trường.
19. [^] Là nói tội tẩm mệnh mang.
20. [^] Là nơi đất khách quê người.
21. [^] Là chỗ bến đò ngày xưa.
22. [^] Đoản là ngắn, tu là dài, ý nói kẻ chết non người sống lâu.
23. [^] Kim là người đời nay, người còn sống, cổ là người đời xưa, người đã chết.
24. [^] Bóng bạch câu: Điển cũ: đời người thấm thoát như bóng ngựa trắng chạy qua cửa sổ thoáng mắt đã mất; ý nói số mệnh các tướng sĩ ngắn ngủi.
25. [^] Phế phủ là buồng phổi và phủ tạng trong người.
26. [^] Điển cũ: vua Đường Thái Tôn bên Tàu vẽ hình công thần treo ở Yên các (gác khói), vua Hán Minh Đế vẽ tranh công thần treo ở Vân đài (đài mây); ý nói tuy không được vinh dự như các bậc công hầu danh tướng.
27. [^] Có công được thêu tên vào cờ cân cờ thường.
28. [^] Là ơn vua ví như mưa móc thấm nhuần.
29. [^] Nói xe vua trở về; đây nói vua Gia Long khi đã lấy Bắc Hà rồi trở về Phú Xuân.
30. [^] Là bốn tỉnh Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi). Thuận Hóa, Nghệ An và Thanh Hóa.
31. [^] Từ năm 1798 đến năm 1801.
32. [^] Thủy là lúc đầu, chung là lúc cuối. Ý nói lúc hoạn nạn thì còn sống mà đến lúc thái bình thì đã thác rồi.
33. [^] Theo chữ (can qua phủ định) việc đánh dẹp vừa yên.
34. [^] Là vua Nghiêu vua Thuấn bên Tàu, hai đời vua thái bình sánh với đời vua Gia Long.
35. [^] Là vua Thang vua Vũ hai đời vua thịnh trị bên Tàu sánh với đời vua Gia Long.
36. [^] Máy trời đất xoay vần bí mật và thần diệu.
37. [^] Ý nói: Nếu sống lại kiếp sau thì nên đến cửa dinh tiền quân mà nhận.
38. [^] Ý nói: nếu có khôn thiêng thì nên phù hộ nhà vua được thái bình để ngôi vua (ngôi bảo tộ) truyền mãi đến muôn đời về sau.

(Nguồn : Wikipedia)